

Số: 859 / CTCPDN-KH

An Giang, ngày 04 tháng 7 năm 2018

V/v: Phương án thoái vốn nhà nước đầu tư
tại Công ty cổ phần Điện nước An Giang

Kính gửi: Sở Tài Chính tỉnh An Giang.

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (gọi tắt là Nghị định 91/2015/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (gọi tắt là Nghị định 32/2018/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017 – 2020;

Căn cứ Văn bản số 1523/UBND-KTTH ngày 31/08/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp giai đoạn 2017 – 2020;

Căn cứ Văn bản số 4443/VPUBND-KTTH ngày 16/10/2017 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc chọn đơn vị tư vấn xây dựng phương án thoái vốn và tổ chức thẩm định giá trị doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 28/03/2018 về việc phê duyệt phương án thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Điện nước An Giang;



Căn cứ Công văn số 608/CTCPĐN-KH ngày 08/05/2018 của Công ty cổ phần Điện nước An Giang về việc báo cáo xin ý kiến đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về việc thực hiện thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Điện Nước An Giang;

Căn cứ Văn bản số 566/UBND-KTTH ngày 31/05/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang v/v thoái vốn nhà nước đầu tư tại Công ty Cổ phần Điện nước An Giang.

Để tiếp tục triển khai việc thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Điện nước An Giang theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang tại văn bản số 566/UBND-KTTH ngày 31/05/2018 v/v thoái vốn nhà nước đầu tư tại Công ty Cổ phần Điện nước An Giang, Người đại diện vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Điện nước An Giang đề nghị Sở Tài Chính tỉnh An Giang xem xét, có ý kiến trình Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt phương án thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Điện nước An Giang (POWACO) như sau:

- 1. Tên cổ phần chuyển nhượng vốn:** Cổ phần Công ty cổ phần Điện nước An Giang
- 2. Số lượng cổ phần thoái vốn:** 19.045.524 cổ phần, tương ứng 39,14% vốn điều lệ.
- 3. Phương thức thoái vốn:** theo phương thức giao dịch ngoài sàn, thực hiện theo thứ tự phương thức bán đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận.
- 4. Tổ chức thực hiện bán đấu giá/chào bán cạnh tranh:** Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.
- 5. Giá khởi điểm đề xuất phê duyệt:** 21.209 đồng/cổ phần. Trường hợp giá tham chiếu bình quân cổ phiếu Công ty cổ phần Điện nước An Giang của 30 ngày giao dịch liên tiếp trên thị trường chứng khoán trước ngày công bố thông tin thực hiện bán cổ phần chuyển nhượng vốn cao hơn giá khởi điểm đề xuất phê duyệt, Công ty Cổ phần Điện nước An Giang sẽ báo cáo xin ý kiến Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn.
- 6. Trình tự thủ tục bán cổ phần:** Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính theo quy định.

7. **Chi phí thực hiện thoái vốn:** dự kiến là 655.500.000 đồng, được trừ vào tiền thu được từ thoái vốn theo quy định. Công ty Cổ phần Điện nước An Giang có trách nhiệm tổng hợp, quyết toán chi phí và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.
8. Ủy quyền cho Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (đại diện là ông Lương Văn Bạ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty), tổ chức thực hiện Phương án thoái vốn của nhà nước. Cụ thể như sau:
- Tổ chức triển khai Phương án thoái vốn đã được phê duyệt với các bên liên quan theo quy định trong quá trình triển khai tổ chức đấu giá, chào giá cạnh tranh hoặc bán thỏa thuận, bao gồm nhưng không giới hạn việc ký hợp đồng với các công ty tư vấn, ký hợp đồng với Tổ chức thực hiện bán đấu giá/chào bán cạnh tranh, ký các văn bản và hồ sơ có liên quan như Đơn đăng ký bán đấu giá, Bản công bố thông tin về việc thoái vốn nhà nước, Biên bản đấu giá, Biên bản chào bán cạnh tranh, Biên bản thỏa thuận cổ phần, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư, hồ sơ mở tài khoản phong tỏa,....
 - Công khai thông tin về giá thanh toán bán cổ phần Công ty cổ phần Điện nước An Giang cho các nhà đầu tư biết và thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 38a của Nghị định 91/2015/NĐ-CP đã được bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định 32/2018 NĐ-CP;
 - Tổ chức thực hiện công bố thông tin, bán cổ phần theo đúng trình tự, thủ tục quy định hiện hành đảm bảo công khai, minh bạch. Khi thực hiện công bố thông tin về việc đấu giá cổ phần để thoái vốn thì đồng thời gửi hồ sơ đấu giá đã lập theo quy định đến Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp).
 - Cử đại diện là người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty tham gia vào Hội đồng đấu giá/chào bán cạnh tranh cổ phần Công ty cổ phần Điện nước An Giang khi tổ chức đấu giá/chào bán cạnh tranh và được trực tiếp thỏa thuận với nhà đầu tư khi thực hiện chào bán theo phương thức thỏa thuận.
 - Thực hiện các công việc liên quan đến chào bán cổ phần, công bố thông tin, giám sát bán cổ phần, thu và chuyển tiền bán cổ phần... theo quy định của pháp luật và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.
 - Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang kết quả bán cổ phần;
 - Ký toàn bộ hồ sơ để thực hiện thủ tục chuyển nhượng sở hữu cổ phần của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cho nhà đầu tư được mua cổ phần thông qua phương thức đấu giá/chào giá cạnh tranh/thỏa thuận theo quy định tại điểm c

khoản 3 Điều 38a và điểm c khoản 3 Điều 29a Nghị định 91/2015/NĐ-CP đã được bổ sung tại khoản 16 và khoản 13 Điều 1 Nghị định 32/2018/NĐ-CP;

- Đảm bảo toàn bộ số tiền thu được từ việc bán cổ phần phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa của Công ty cổ phần Điện nước An Giang tại 1 Ngân hàng thương mại và chịu trách nhiệm quản lý chặt chẽ tài khoản phong tỏa này và thực hiện chuyển đầy đủ, đúng hạn số tiền này về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến việc bán cổ phần theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Kính trình Sở Tài chính tỉnh An Giang xem xét, có ý kiến trình Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt phương án thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Điện Nước An Giang.

(đính kèm phương án thoái vốn)

Trân trọng !

**THAY MẶT NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN NHÀ NƯỚC
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Như trên;
- BDH Cty (để biết);
- Lưu VT, KH-KD./.



LƯƠNG VĂN BẠ

PHƯƠNG ÁN THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
(Đính kèm công văn số 859/CTCPĐN-KH ngày 4/7/2018 của
Công ty Cổ phần Điện nước An Giang)

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

- Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017 – 2020;
- Văn bản số 1523/UBND-KTTH ngày 31/08/2017 về việc thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp giai đoạn 2017 – 2020;
- Văn bản số 4443/VPUBND-KTTH ngày 16/10/2017 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc chọn đơn vị tư vấn xây dựng phương án thoái vốn và tổ chức thẩm định giá trị doanh nghiệp;
- Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 28/03/2018 về việc phê duyệt phương án thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Điện nước An Giang;
- Công văn số 608/CTCPĐN-KH ngày 08/05/2018 của Công ty cổ phần Điện nước An Giang về việc báo cáo xin ý kiến đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về việc thực hiện thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Điện Nước An Giang;

- Văn bản số 566/UBND-KTTH ngày 31/05/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang v/v thoái vốn nhà nước đầu tư tại Công ty Cổ phần Điện nước An Giang.

II. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

- Thực hiện chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 về phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017 – 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần Điện Nước An Giang, tỷ lệ vốn dự kiến thoái là 39,14% vốn điều lệ, để đảm bảo nguồn thu cho phù hợp với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 của Chính phủ.
- Việc thoái vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang tại Công ty Cổ phần Điện nước An Giang phải được thực hiện trên nguyên tắc bảo toàn vốn đầu tư ở mức cao nhất theo đúng quy định của Nhà nước về chuyển nhượng vốn.

III. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY THOÁI VỐN

1. Giới thiệu chung về Công ty

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
- Tên tiếng Anh : An Giang Power And Water Supply Joint Stock Company
- Tên viết tắt : POWACO
- Giấy CNĐKDN : số 1600249791 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 28/03/2011, thay đổi lần thứ 4 ngày 10/08/2016
- Vốn điều lệ : 486.600.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi sáu tỷ sáu trăm triệu đồng)
- Trụ sở chính : 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Số điện thoại : (0296) 3856100
- Fax : (0296) 3857800
- Website : www.diennuocag.com.vn
- Mã chứng khoán : DNA
- Sàn giao dịch : Upcom
- Số cổ phần đang lưu hành: 48.660.000 cổ phần

- Số cổ phần của nhà nước (UBND tỉnh An Giang) nắm giữ: 43.853.300 cổ phần (chiếm 90,12%/Vốn điều lệ)
- Quá trình hình thành và phát triển:

Tháng 12/1993, Ban quản lý và Phát triển Điện Nông thôn được thành lập trực thuộc Ủy ban Kế hoạch tỉnh An Giang có nhiệm vụ triển khai thi công đường dây cao thế 110KV đến Châu Đốc và đường dây 35KV về đến tất cả các huyện thị. Năm 1995, Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang giao thêm nhiệm vụ phát triển nước sạch nông thôn và đổi tên gọi Ban Quản Lý và Phát triển Điện Nước Nông thôn An Giang.

Tháng 11/1996, Ban Quản Lý và Phát triển Điện Nước Nông thôn An Giang chuyển thành Công ty Điện Nước An Giang với nhiệm vụ cung cấp điện nước phục vụ cho người dân theo Quyết định thành lập Công ty số 1570/QĐ.UBND ngày 18/11/1996 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh An Giang.

Theo Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 4/8/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang, Công ty Điện nước An Giang tiến hành cổ phần hóa.

Ngày 25/3/2011, Công ty Cổ phần Điện nước An Giang đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất và chính thức hoạt động từ ngày 28/03/2011 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600249791 do Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang cấp lần đầu ngày 28/3/2011 với vốn điều lệ là 486.600.000.000 đồng.

Từ đó đến nay, mức vốn điều lệ của Công ty không thay đổi vẫn giữ nguyên là 486.600.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi sáu tỷ, sáu trăm triệu đồng).

Công ty cổ phần Điện nước An Giang trở thành Công ty đại chúng theo Công văn số ngày 8347/UBCK-GSDC ngày 16/12/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty đã đăng ký chứng khoán và được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp mã chứng khoán DNA theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 74/2017/GCNCP-VSD ngày 04/04/2017.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên hệ thống chứng khoán chưa niêm yết (UPCOM) tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 851/QĐ-SGDHN ngày 12/10/2017 và được chính thức giao dịch trên thị trường này vào ngày 19/10/2017 theo Thông báo số 1328/TB-SGDHN ngày 12/10/2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2. Ngành nghề hoạt động kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Phân phối, truyền tải điện.	3510 (Chính)
2	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn.	5510
3	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống bơm, ống nước Chi tiết: Xây dựng các công trình xử lý cấp thoát nước và mạng đường ống cấp thoát nước.	4322
4	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông.	4210
5	Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất phân phối nước sạch Chi tiết: Khai thác và sản xuất nước khoáng.	3600
6	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị điện nước.	4663
7	Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng.	4312
8	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán nông sản Chi tiết: Mua bán lương thực.	4620
9	Bán buôn thực phẩm.	4632
10	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: Chế biến thủy sản.	1020
11	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng Chi tiết: Xây dựng đường dây điện Chi tiết: Xây dựng trạm bơm.	4290
12	Nuôi trồng thủy sản nội địa.	0322
13	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng.	5610

STT	Tên ngành	Mã ngành
14	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê.	6810
15	Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt đường dây trung thế từ 15-35 KV và đường dây hạ thế, trạm biến áp từ 15-3.000 KVA Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện dân dụng và công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt điện trong nhà.	4321
16	Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chi tiết: Đầu tư xây dựng khách sạn Chi tiết: Đầu tư xây dựng các khu vui chơi giải trí Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà hàng.	4100
17	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước.	7490
18	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh các khu vui chơi giải trí.	9329
19	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.	1104
20	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời, pin mặt trời.	3320
21	Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời.	3312
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời, pin mặt trời.	4659

3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 05/06/2018

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trong nước	48.657.100	486.571.000.000	99,99%
1.1	Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	43.853.300	438.533.000.000	90,12%
1.2	Tổ chức khác	1.110.000	11.100.000.000	2,28%
1.3	Cá nhân	3.693.800	36.938.000.000	7,59%
2	Nước ngoài	2.900	29.000.000	0,01%
2.1	Tổ chức	2.900	29.000.000	0,01%
2.2	Cá nhân	0	0	0,00%
Tổng cộng		48.660.000	486.600.000.000	100,00%

Nguồn: POWACO

4. Số lượng và cơ cấu người lao động tại thời điểm 31/05/2018

STT	Cơ cấu lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ chuyên môn		1.336	100,00%
1	Lao động có trình độ đại học và trên đại học	234	17,52%
2	Lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp	537	40,19%
3	Lao động có trình độ khác	565	42,29%
Phân theo thời hạn hợp đồng		1.336	100,00%
1	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	1.215	90,94%
2	Hợp đồng lao động từ 12 tháng đến 36 tháng	121	9,06%

Nguồn: POWACO

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY THOẢI VỐN

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

S T T	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng/ giảm 2017 so với 2016
1	Tổng doanh thu (*)	1.210.579.521.682	1.334.983.060.678	1.414.651.054.592	5,97%
2	Doanh thu thuần	1.201.684.187.994	1.322.776.038.060	1.401.499.158.174	5,95%
3	Lợi nhuận gộp	259.280.241.795	284.145.303.728	297.627.791.644	4,74%
4	Lợi nhuận hoạt động tài chính	(12.946.447.855)	(11.391.938.076)	(11.400.406.788)	0,07%
5	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	124.143.468.592	129.035.543.377	129.145.449.521	0,09%
6	Lợi nhuận khác	(2.444.343.616)	(221.431.831)	6.630.432.787	-3.094,34%
7	Lợi nhuận trước thuế	121.699.124.976	128.814.111.546	135.775.882.308	5,40%
8	Lợi nhuận sau thuế	90.299.565.680	102.588.567.458	108.661.090.779	5,92%
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	1.623	1.806	1.906	5,54%

Nguồn: BCTC 2015 – 2017 đã kiểm toán của POWACO

Ghi chú:

(*): Chỉ tiêu Tổng doanh thu được tính bao gồm Doanh thu thuần, Doanh thu từ hoạt động tài chính và Thu nhập khác.

(**): Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2016: Công ty lấy số liệu từ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017.

Đánh giá chung là tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có sự tăng trưởng khá ổn định. Tổng doanh thu năm 2017 tăng 5,97% so với năm 2016 và lợi nhuận sau thuế năm 2017 tăng 5,92% so với năm 2016.

2. Tài sản cố định đến ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Tài sản cố định hữu hình	1.351.225.819.107	567.509.202.325	783.716.616.782
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc	188.304.383.877	76.422.011.140	111.882.372.737
1.2	Máy móc thiết bị	1.159.317.964.092	488.265.206.710	671.052.757.382
1.3	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	1.356.521.338	1.302.110.992	54.410.346
1.4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.246.949.800	1.519.873.483	727.076.317
2	Tài sản cố định vô hình	22.115.185.591	735.607.000	21.379.578.591
2.1	Quyền sử dụng đất	20.464.754.191	452.985.289	20.011.768.902
2.2	Chương trình phần mềm máy tính	1.650.431.400	282.621.711	1.367.809.689
Tổng cộng		1.373.341.004.698	568.244.809.325	805.096.195.373

Nguồn: BCTC năm 2017 đã kiểm toán của POWACO

3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Chênh lệch	
			+/-	%
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (đơn vị lần)				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,80	0,87	-0,92	-51,39%
Hệ số thanh toán nhanh	1,50	0,71	-0,79	-52,55%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (đơn vị %)				
Hệ số nợ/Tổng tài sản	9,36%	13,48%	4,12%	44,01%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	12,24%	18,51%	6,26%	51,17%
Chỉ số về năng lực hoạt động (đơn vị vòng)				
Vòng quay tổng tài sản	0,73	0,66	-0,06	-8,78%

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Chênh lệch	
			+/-	%
Vòng quay tài sản cố định	1,60	1,72	0,13	7,98%
Vòng quay các khoản phải thu	10,75	10,46	-0,29	-2,72%
Vòng quay các khoản phải trả	2,96	2,60	-0,36	-12,26%
Vòng quay hàng tồn kho	21,23	16,33	-4,90	-23,07%
Chỉ số về khả năng sinh lời (%)				
Hệ số LNST/DTT	7,76%	7,75%	0,00%	-0,03%
Hệ số LN gộp/DTT	21,48%	21,24%	-0,24%	-1,14%
Hệ số LN từ HĐKD/DTT	9,75%	9,21%	-0,54%	-5,54%
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	21,08%	22,33%	1,25%	5,92%
Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA)	7,07%	6,41%	-0,65%	-9,25%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.806	1.906	100	5,54%
Giá trị sổ sách của cổ phần (đồng)	15.319	13.093	-2.226	-14,53%

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ BCTC năm 2015 – 2017 kiểm toán của POWACO

Ghi chú: Khi tính Giá trị sổ sách của cổ phần, Công ty đã loại trừ giá trị Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản ra khỏi Vốn chủ sở hữu do đây là nguồn vốn của ngân sách cấp cho Công ty để thực hiện công trình.

4. Phân tích các chỉ số tài chính

❖ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn:

Khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn thể hiện khả năng có thể thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn của Công ty, cụ thể như sau:

Hệ số thanh toán ngắn hạn trong năm 2017 là 0,87 lần và giảm 51,39% so với năm 2016, chứng tỏ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty thấp, tức là 1.000 đồng nợ ngắn hạn được đảm bảo bởi 870 đồng tài sản ngắn hạn mà doanh nghiệp đang có. Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm trong năm 2017 là vì tổng tài sản ngắn hạn giảm 15,97% và tổng nợ ngắn hạn tăng 72,87%.

Năm 2017, hệ số thanh toán nhanh của Công ty là 0,71 lần, nghĩa là cứ 1.000 đồng nợ ngắn hạn của Công ty được đảm bảo bởi 710 đồng tài sản ngắn hạn sau khi loại trừ hàng tồn kho. Năm 2017, chỉ tiêu này đã giảm 52,55% so với năm trước, nguyên nhân chủ yếu là vì trong năm 2017 tổng tài sản ngắn hạn giảm 15,97%, hàng tồn kho cuối kỳ giảm 5,75% và tổng nợ ngắn hạn tăng 72,87%.

❖ **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:**

Hệ số nợ trên tổng tài sản cho biết có bao nhiêu phần trăm tài sản của Công ty là từ đi vay và khả năng tự chủ tài chính của Công ty. Hệ số nợ trên tổng tài sản trong năm 2017 là 13,48%, tăng 44,01% so với năm 2016.

Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu cho biết quan hệ giữa vốn huy động bằng đi vay và vốn chủ sở hữu. Hệ số nợ trên vốn chủ hữu trong năm 2017 là 18,51%, tăng 51,17% so với năm 2016.

Lý do cả 2 chỉ tiêu về cơ cấu vốn của năm 2017 đều tăng so với năm 2016 là do trong năm 2017 Công ty hạch toán tăng Phải trả dài hạn khác 114.944.692.753 đồng (khoản vốn nhà nước cấp cho Công ty sau cổ phần hóa) theo Công văn số 2283/UBND-KTTH ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang V/v xử lý phần vốn Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần Điện nước An Giang sau cổ phần hóa, dẫn đến Nợ phải trả tăng tương ứng 114.944.692.753 đồng và Vốn chủ sở hữu giảm tương ứng 114.944.692.753 đồng (xem thuyết minh số V.18b của Thuyết minh Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017).

❖ **Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động kinh doanh:**

Chỉ số vòng quay tổng tài sản đo lường khả năng Công ty tạo ra doanh thu từ việc đầu tư vào tổng tài sản. Chỉ số này trong năm 2017 bằng 0,66 vòng, có nghĩa là với 1.000 đồng được đầu tư vào trong tổng tài sản, thì Công ty sẽ tạo ra được 600 đồng doanh thu. Chỉ số này trong năm 2017 giảm 8,78% so với năm 2016.

Ý nghĩa của chỉ số vòng quay tài sản cố định cũng tương tự như vòng quay tổng tài sản nhưng chỉ tính cho tài sản cố định thay vì tổng tài sản. Chỉ số này trong năm 2017 bằng 1,72 vòng. Chỉ số này trong năm 2017 tăng 7,98% so với năm 2016.

Vòng quay các khoản phải thu trong năm 2017 là 10,46 vòng và giảm 2,72% so với năm 2016. Vòng quay các khoản phải trả trong năm 2017 là 2,60 vòng, và giảm 12,26% so với năm 2016. Vòng quay hàng tồn kho trong năm 2017 là 16,33 vòng và giảm 23,07% so với năm 2016.

Nhìn chung các chỉ số về năng lực hoạt động năm 2017 có giảm so với năm 2016 (ngoại trừ vòng quay tài sản cố định).

❖ **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:**

Năm 2017, lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 5,92% so với năm 2016. Tuy nhiên, các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2017 đa phần có giảm nhẹ so với năm 2016. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 là 1.906 đồng (tăng 5,54% so với năm 2016). Nhìn chung, Công ty vẫn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh tương đối ổn định.

5. Khoản vốn ngân sách Nhà nước cấp cho Công ty

Căn cứ công văn số 2283/UBND-KTTH ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang V/v xử lý phần vốn Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần Điện nước An Giang sau cổ phần hóa, Công ty được loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp nguồn vốn khi xác định giá khởi điểm bán cổ phần, đồng thời Công ty cổ phần Điện nước An Giang hạch toán và xác định đây là khoản nợ phải trả ngân sách. Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, tại thuyết minh số V.18b của Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã hạch toán Khoản phải trả ngân sách nhà nước là 114.944.692.753 đồng.

V. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

Khi thực hiện cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã có Quyết định số 2793/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty Điện nước An Giang.

Tổng hợp diện tích đất Công ty đang quản lý và sử dụng tại thời điểm hiện nay như sau:

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
I	ĐẤT POWACO ĐANG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG					
1.	821 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Khánh, An Giang	3.615,7	Trụ sở văn phòng Công ty	Sở hữu		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T-00254 mA ngày 25/03/2005
2.	Bình Đức, Long Xuyên, An Giang	2.392,7	Kho Công ty	Sở hữu		Quyết định giao đất số 973/QĐUB ngày 26/05/1998, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00714 ngày 26/05/1998
3.	Trần Hưng Đạo, Bình Đức, Long Xuyên, An Giang	906	Trạm bơm cấp I	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1253/QĐUB ngày 02/06/1999, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00714 ngày 03/03/2003
4.	Trần Hưng Đạo, Bình Đức, Long Xuyên, An Giang	16.890	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 817/QĐUB ngày 28/04/1999
5.	Trần Hưng Đạo, Bình Đức, Long Xuyên, An Giang	100	Trạm bơm cấp I	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1914/QĐCTUB ngày 09/08/2002, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01714 ngày 03/03/2003
6.	31/1 Trần Hưng Đạo, Long Xuyên, An Giang	2.825	Trụ sở văn phòng XNCN TP. Long Xuyên	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 174/QĐ.UB ngày 13/02/1999, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00976 ngày 10/07/1999
7.	80/1 Bùi Văn Danh, Mỹ Xuyên, Long Xuyên, An Giang	373,6	Trụ sở XN Xây lắp Điện nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 36/QĐ.UB ngày 19/01/1997

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
8.	Mỹ Phước, Long Xuyên, An Giang	1.453,0	Đài nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 3150/QĐ.UB ngày 09/12/1998, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01249 ngày 09/08/2002
9.	Áp Mỹ An II, Mỹ Hòa Hưng, Long Xuyên	502,7	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1746/QĐ.UBND ngày 29/08/2008
10.	Phường Mỹ Thạnh	224,0	Nhà kho	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2697/QĐ.UBND ngày 02/12/2015, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB030151
11.	Phường Bình Đức	248,3	Đất kho NMN Bình Đức	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1548/QĐ-UBND ngày 11/09/2012, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK065647 ngày 04/02/2013
12.	Phường Bình Đức	155,7	Đất kho NMN Bình Đức	Thuê đất	50 năm*	Quyết định giao đất số 1548/QĐ-UBND ngày 11/09/2012, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK065646 ngày 04/02/2013
13.	Áp Long Quới II, xã Long Điền B	304,7	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 861/QĐ-UBND ngày 07/05/2008
14.	Xã Long Kiên	240,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 727/QĐ-UBND ngày 08/04/2014
15.	Áp Long Hòa, TT Chợ Mới	4.505,8	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 53/QĐ.UB ngày 13/01/1997, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00019

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
16.	TT Mỹ Lương	7.235,0	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1898/QĐ.UBND ngày 07/07/2016, 1040/QĐ.UB ngày 13/09/1996, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 030362
17.	Áp Thị 2, TT Mỹ Lương	227,0	Dường ống nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
18.	Áp Tân Phú, xã Tân Mỹ	464,4	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1003/QĐ-UBND ngày 21/05/2008
19.	Áp Tây Thương, xã Mỹ Hiệp	467,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2097/QĐ.UB ngày 16/09/1999, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00003 ngày 02/11/2000
20.	Áp Thị, xã Hội An	299,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1730/QĐ.UB ngày 12/12/1996
21.	Áp An Thái, xã Hội An	524,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
22.	Áp Long Phú, xã Long Giang	220,4	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 906/QĐ-UBND ngày 09/05/2008
23.	Áp Phú Hạ Xã Kiến Thành	671,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1223/QĐ-UBND ngày 11/06/2009
24.	Xã Mỹ Hội Đông	295,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2665/QĐ-UBND ngày 17/12/2008

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
25.	Xã Hòa Bình	286,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 78/QĐ.UB ngày 14/01/2000, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00004 ngày 02/11/2000
26.	Áp An Thuận - Xã Hòa Bình	1.585,1	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1361/QĐ-UBND ngày 09/07/2008
27.	Áp Kiến Hưng Xã Kiến Thành	888,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1841/QĐ-UBND ngày 18/08/2009
28.	Áp Hòa Bình - Xã Kiến An	500,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
29.	Áp Mỹ Phước - Xã Mỹ Hội Đông	288,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1361/QĐ-UBND ngày 09/07/2008
30.	Áp Mỹ Hòa - Xã Nhơn Mỹ	281,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2663/QĐ-UBND ngày 17/12/2008
31.	Áp Mỹ Hoà xã Nhơn Mỹ- Chợ Mới	49,0	Trạm bơm cấp I	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
32.	Tân Long - xã Tân Mỹ	96,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
33.	An Khánh	102,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
34.	Mỹ An - Mỹ An	193,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 725/QĐ-UBND ngày 08/04/2009
35.	Xã Núi Tô - Thị trấn Tri Tôn	16.576,0	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 966/QĐ-TTg ngày 02/08/2001, Giấy

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
						chứng nhận quyền sử dụng đất số 00001 ngày 09/08/2002
36.	Xã Châu Lăng	542,4	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1754/QĐ-UBND ngày 01/09/2008
37.	Xã Châu Lăng	39,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2749/QĐ-UBND ngày 16/10/2008
38.	Xã Châu Lăng	703,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2348/QĐ-UBND ngày 13/08/2012, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 65668 ngày 01/04/2013
39.	Xã An Tức	835,5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2146/QĐ-UBND ngày 16/10/2008
40.	Áp Phước Long - Xã Ô Lâm	787,7	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1506/QĐ-UBND ngày 31/07/2008
41.	Xã Ô Lâm	826,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1356/QĐ-UBND ngày 13/08/2012, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 418980 ngày 06/11/2012
42.	Áp Tô Phước - Xã Cô Tô	429,8	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1534/QĐ-UBND ngày 04/08/2008
43.	Áp Tô Phước - Xã Cô Tô	556,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 373/QĐ-UBND ngày 01/03/2010
44.	Xã Núi Tô	145,2	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1799/QĐ-UBND ngày 11/09/2008

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
45.	Áp Tô Hạn, xã Núi Tô, Tri Tôn	276,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1715/QĐ-UBND ngày 29/08/2008
46.	Áp Hoà xã Châu Lăng	144,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
47.	Xã Cô Tô	84,5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
48.	Xã Lê Tri	180,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
49.	Xã Ó Lâm	278,3	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
50.	Áp Vĩnh Cầu - Vĩnh Gia	568,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
51.	Xã Lạc Quới	169,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
52.	Xã Vĩnh Phước	225,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
53.	Xã Ba Chúc	478,5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
54.	Xã Tân Tuyên	232,2	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
55.	Xã Tân Tuyên	957,4	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2651/QĐ-UBND ngày 23/09/2016, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 876362
56.	Tà Đảnh	105,6	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
57.	Tà Đảnh	894,1	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
58.	Áp Giồng Cát, xã Lương An Trà, Tri Tôn	769,5	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
59.	Thị trấn Tri Tôn	1.008,0	Hồ lắng bùn	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
60.	Khóm Xuân Hòa - Tỉnh Biên	359,0	Nhà máy nước	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 731/QĐ.CT.UB ngày 05/04/2000, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00004 ngày 24/07/2000
61.	Áp Phú Nhứt - Xã An Phú	310,6	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 864/QĐ.UBND ngày 07/05/2008
62.	Thị trấn Nhà Bàng	40.921,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1445/QĐ.CT.UB ngày 07/08/2003, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00026 ngày 09/08/2004
63.	Thị trấn Chi Lăng	3.082,2	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2515/QĐ.CT.UB ngày 08/12/2003, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00034 ngày 10/01/2005
64.	Áp Xuân Bình - Xã Xuân Tô	306,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
65.	Khóm Tây Hưng - Xã Nhon Hưng	467,3	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1907/QĐ.UBND ngày 23/09/2008
66.	Thị trấn Nhà Bàng - Tỉnh Biên	2.600,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1446/QĐ.CT.UB ngày

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
	- An Giang					07/08/2003, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00013 ngày 29/10/2003
67.	Khóm xuân Hòa - Tịnh Biên	1.200,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.00052gK ngày 28/11/2006
68.	Áp sơn tây xã Thới Sơn - Tịnh Biên	16,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
69.	Áp sơn tây xã Thới Sơn - Tịnh Biên	221,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
70.	Xã An Phú	126,5	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
71.	Áp Tân Định - Xã Tân Lập - Tịnh Biên	459,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
72.	Xã Tân Lập	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
73.	Tân Lợi	90,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
74.	Xã An Cư	505,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
75.	Chùa Rô, An Cư, Tịnh Biên	Đất chùa	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
76.	Áp Mỹ á - Xã Núi Voi - Tịnh Biên	1.495,0	Trạm cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1908/QĐ-UBND ngày 23/09/2008
77.	TT Tịnh biên - Tịnh Biên	147,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
78.	Xã Thới Sơn-Tỉnh Biên	225,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
79.	Ấp Bình Trung - xã Bình Mỹ	224,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 517/QĐ.UB ngày 16/04/2001, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00010 ngày 09/11/2001
80.	Ấp Bình Minh - xã Bình Mỹ	662,6	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2198/QĐ.UBND ngày 21/10/2008
81.	Ấp Vĩnh Phú - xã Vĩnh Thạnh Trung	1.614,0	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1974/QĐ.UB ngày 22/09/1998, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00021 ngày 02/11/2000
82.	Ấp Tây An - xã Thanh Mỹ Tây	302,2	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1004/QĐ-UBND ngày 21/05/2008
83.	Ấp Mỹ Thiện - xã Mỹ Đức	271,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1069/QĐ.UB ngày 18/05/2000, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00001 ngày 24/07/2000
84.	Ấp Khánh Bình - xã Khánh Hòa	363,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1362/QĐ.UB ngày 09/07/2008
85.	Ấp Khánh Châu - xã Khánh Hòa	293,9	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 870/QĐ-UBND ngày 07/05/2008
86.	Ấp Bình Châu - xã Bình Long	334,3	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 910/QĐ-UBND ngày 09/05/2008

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
87.	Áp Bình Quý - xã Bình Thủy	293,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 726/QĐ-UBND ngày 08/04/2009
88.	Áp Mỹ Thuận - xã Mỹ Phú	262,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2395/QĐ.UB ngày 18/10/1999, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00004 ngày 02/11/2000
89.	Áp Bình Hưng - xã Bình Long	9.595,5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2395/QĐ.UB ngày 18/10/1999, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00545dF ngày 15/11/2007
90.	Áp Mỹ Thuận - xã Mỹ Phú	360,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2147/QĐ.UB ngày 16/10/2008
91.	Áp Khánh Phát - xã Khánh Hòa	253,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
92.	Áp Khánh Hòa - xã Khánh Hòa	552,1	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1362/QĐ.UBND ngày 09/07/2008
93.	Áp Hưng Thạnh - xã Đào Hữu Cảnh	552,1	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1277/QĐ.UBND ngày 18/06/2009
94.	Áp Bình Thiện - xã Bình Thủy	291,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1989/QĐ.UBND ngày 02/10/2008
95.	Áp Bình Phước - xã Bình Chánh	626,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
96.	Ấp Bình Đức - xã Bình Phú	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
97.	Ấp Bình Hưng 2 - xã Bình Mỹ	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
98.	Ấp Long An - xã Ô Long VT	324,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
99.	Ấp Vĩnh Bình - xã Vĩnh Thành Trung	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
100.	Ấp Long Bình - xã Ô Long VT	877,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
101.	Ấp Thành Hòa - xã Thành Mỹ Tây	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
102.	Ấp Long Sơn - xã Ô Long VT	202,5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
103.	Ấp Mỹ Thành - xã Mỹ Đức	209,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
104.	Ấp Mỹ Thành - xã Mỹ Đức	187,5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2750/QĐ-UBND ngày 08/12/2015, Giấy

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
105.	Áp Long Phú - xã Ô Long Vĩ	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
106.	Áp Bình Chánh 2 - xã Bình Mỹ	280,7	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2748/QĐ-UBND ngày 08/12/2015, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 030873
107.	Áp Bình An - xã Bình Phú	180,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
108.	Áp Bình An - xã Bình Phú	311,5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2747/QĐ-UBND ngày 08/12/2015, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 030874
109.	Áp Phú Hòa - Xã Bình Hòa	305,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2275/QĐ.CT.UB ngày 22/10/2001, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00064 ngày 10/01/2002
110.	Áp Vĩnh Thành - Xã Vĩnh An	324,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1757/QĐ.UB ngày 02/08/2000, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00003 ngày 13/10/2000
111.	Áp Vĩnh Thuận - Xã Vĩnh	585,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1135/QĐ.UB ngày 13/07/2001.

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
	Hanh					Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000004 ngày 09/11/2001
112.	Áp Long Hòa 1 - Thị trấn An Châu	3.103,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 31/QĐ.CT.UB ngày 08/01/2003. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00369 ngày 09/04/2003
113.	Áp Long Hòa 1 - Thị trấn An Châu	447,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
114.	KCN Bình Hoà	4.077,2	Nhà máy nước	Thuế đất	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00130bG ngày 15/11/2007
115.	Áp Thanh Hòa - Xã Bình Thạnh	567,6	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1717/QĐ.UBND ngày 29/08/2008
116.	Áp Hòa Hưng - Xã Hòa Bình Thạnh	448,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2557/QĐ.UBND ngày 02/12/2008
117.	Áp Bình An 2 - Xã An Hòa	424,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2830/QĐ.UBND ngày 31/12/2008
118.	Áp Tân Lợi - Xã Tân Phú - Châu Thành	108,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
119.	Áp Vĩnh Lộc - Xã Vĩnh Bình - Châu Thành	108,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
120.	Áp Hòa Lợi - Xã Vĩnh lợi	140,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
121.	Áp Vĩnh Thuận - Xã Vĩnh Nhuận	118,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
122.	Áp Tân Thành - Xã Vĩnh Thành - Châu thành	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
123.	Áp Bình An I - Xã An Hòa - Châu thành	154,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
124.	Áp Tân Thành - Xã Vĩnh Thành	120,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
125.	Áp Đông Bình Nhất - xã Vĩnh Thành - Châu Thành	300,8	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
126.	Áp Thượng 3 - Thị trấn Phú Mỹ	2.364,9	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm*	Quyết định giao đất số 54/QĐ.UB ngày 03/01/1998, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00004 ngày 13/01/1998
127.	Áp Bình Quới - Bình Thạnh Đông	2.827,0	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1842/QĐ.UBND ngày 18/08/2009
128.	Xã Phú Thọ	152,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1423/QĐ.UB ngày 27/06/2000, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00004 ngày 02/11/2000

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
129.	Xã Phú Thọ – Phú Tân	227,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2773/QĐ.UB ngày 30/12/2008
130.	Áp Phú Xương – Thị trấn Chợ Vàm	253,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 80/QĐ.UB ngày 14/01/2000, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00012 ngày 02/11/2000
131.	Áp Phú Hiệp – Thị trấn Chợ Vàm	300,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2388/QĐ.UB ngày 30/08/2005, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.00050aC ngày 14/02/2006
132.	Áp Phú Hiệp Thị trấn Chợ Vàm – Phú Tân	339,0	Hố lắng bùn	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 371/QĐ.UB ngày 01/03/2010
133.	Áp Bình Trung II - Xã Bình Thạnh Đông	252,8	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1745/QĐ.UB ngày 29/08/2008
134.	Áp Bình Tây II - Xã Bình Thạnh Đông	1.014,3	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2008/QĐ.UBND ngày 26/10/2008
135.	Áp Long Hưng- Xã Long Sơn	2.584,7	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2189/QĐ.UBND ngày 29/09/2009
136.	Áp Phú Quới - Xã Phú An	305,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 153/QĐ.UBND ngày 21/01/2009
137.	Áp Hoà Bình - Xã Hòa Lạc	410,0	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1751/QĐ.UBND ngày 11/08/2009

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
138.	Áp phú bình xã phú An - Phú Tân	100,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
139.	Áp Phú Lợi xã Phú An - Phú Tân	160,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
140.	Xã Hiệp Xương - Phú Tân	300,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
141.	Tổ 1 ấp Long Hậu xã Phú Long	200,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
142.	Xã Phú Thành - Phú Tân	252,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
143.	Xã Hiệp Xương - Phú Tân	240,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm,	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
144.	Xã Long Hòa	180,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
145.	Áp 4 - Thị trấn An Phú	7.331,5	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 411/QĐ.UB ngày 13/03/1998, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00015 ngày 13/03/1998
146.	Áp 4 - Thị trấn An Phú	6.687,7	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 381/QĐ.UB ngày 09/03/2012

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
147.	Ấp 4 – Thị trấn An Phú	2.688,0	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1868/QĐ.UB ngày 24/10/2012
148.	Ấp Hà Bao - Xã Đa Phước	335,4	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1987/QĐ.UBND ngày 02/10/2008
149.	Ấp 2 - Xã Nhơn Hội	470,3	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2781/QĐ.UBND ngày 30/12/2008
150.	Ấp Vĩnh Lợi - Xã Vĩnh Lộc	762,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
151.	Xã Quốc Thái	211,5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
152.	Xã Khánh Bình	111,4	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
153.	Xã Phước Hưng	154,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
154.	Xã Khánh An	228,3	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 47/QĐ.UBND ngày 11/01/2016
155.	Ấp 3 - Xã Nhơn Hội	143,9	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2749/QĐ.UBND ngày 08/12/2015

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
156.	Áp 3 - Xã Vĩnh Trường	229,7	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
157.	Áp AI - Xã Vĩnh Lộc	132,3	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
158.	Xã Phú Hội	137,6	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 44/QĐ-UBND ngày 11/01/2016
159.	Xã Phú Hữu	139,8	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
160.	AI - Xã Vĩnh Hậu	194,2	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 74/QĐ-UBND ngày 14/01/2016
161.	Áp Phước Thọ - Xã Đa Phước	192,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
162.	Áp AI - Xã Vĩnh Hội Đông	144,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
163.	Áp 3 Rạch cần lá - Xã Phú Hội	168,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
164.	Áp 3 - Xã Vĩnh Hội Đông	0,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
165.	Áp Phước Quan - Xã Đa Phước	150,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
166.	Ấp 1 - Xã Vĩnh Trường	420,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Dang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
167.	Ấp 2 - Xã Phước Hưng	90,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Dang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
168.	Xã Quốc Thái	255,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Dang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
169.	Ấp 3 - Xã Vĩnh Hậu	252,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Dang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
170.	Ấp Phú Lợi - Xã Phú Hậu	150,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Dang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
171.	Ấp Vàm Kinh - Xã Vĩnh Hậu	180,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Dang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
172.	Ấp 4 - Xã Vĩnh Hội Đông	180,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Dang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
173.	Ấp II - Xã Vĩnh Trường	182,7	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1822/QĐ-UBND ngày 07/09/2015
174.	Ấp Vĩnh Thành xã Vĩnh Hậu	185,9	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1826/QĐ-UBND ngày 07/09/2015

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
175.	Áp 2 Vĩnh Hội Đông	215,6	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 43/QĐ-UBND ngày 11/01/2016
176.	Xã Quốc Thái	211,5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1824/QĐ-UBND ngày 07/09/2015
177.	Thị trấn An Phú	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
178.	Thị trấn Tân Châu	5.622,0	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2904/QĐ.UB ngày 21/12/1999
179.	Áp Long Hiệp - Xã Long An	180,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2132/QĐ.UB ngày 11/11/2010
180.	Áp Long Quới A - TT Tân Châu	108,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1714/QĐ.UBND ngày 29/09/2008
181.	P Long Sơn	2.585,0	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
182.	Xã Long An - Tân Châu	985,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
183.	Áp Vĩnh Lợi I - xã Châu Phong	983,6	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
184.	Áp Vĩnh Lợi II - xã Châu Phong	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
185.	Ấp Tân Hòa C - Xã Tân An	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
186.	Ấp Phú Yên - Xã Phú Lộc	96,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
187.	Xã Tân Hoà B	320,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
188.	Xã Vĩnh Hòa	36,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
189.	Ấp Tân Hòa B - Xã Tân An	170,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
190.	Ấp Phú An - Xã Phú Vĩnh	140,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
191.	Ấp Vĩnh Thành - Xã Vĩnh hòa	108,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
192.	Ấp Phầm Soài - Châu Phong	234,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
193.	Ấp Vĩnh Thành 2 - Xã Lê Chánh - Tân Châu	72,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
194.	Xã Vĩnh Hòa	130,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
195.	Áp Vĩnh Thạnh B - Xã Vĩnh Hòa	192,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
196.	Áp 4 - Xã Vĩnh Xương	144,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
197.	Áp Phú Yên - Xã Phú lộc	7,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
198.	Áp Phú Quý - Xã Phú lộc	130,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
199.	Áp 1 - Xã Vĩnh Xương	300,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
200.	Áp Phú Thuận - Xã Tây Phú	306,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 79/QĐ.UB ngày 14/01/2000, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 44 ngày 04/10/2000
201.	Áp Tân Hiệp - TT Óc Eo	311,3	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1124/QĐ.UB ngày 26/09/1996, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00044 ngày 04/10/2000
202.	203. Áp Bắc Sơn - TT Núi Sập	5.094,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 728/QĐ.UB ngày 05/04/2000.

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
204.	Ấp Hòa Thành Xã Định Thành	245,5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 002/02 ngày 18/05/2000
205.	Ấp Bình Trung I xã Vĩnh trạch	308,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 907/QĐ.LUBND ngày 09/05/2008
206.	Ấp Thanh Niên - Xã Vĩnh Trạch	836,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1421/QĐ.LB ngày 27/06/2000, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00002 ngày 02/11/2000
207.	Xã Vĩnh TrạchThoại Sơn	4.483,5	Nhà máy nước	Thuê đất	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 065205 ngày 28/11/2012
208.	Ấp Sơn Tân -Xã Vọng Đông	559,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2662/QĐ.LB ngày 23/02/2011
209.	Ấp Tân Đông Thị trấn Ôc Eo	198,0	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2017/QĐ.LB ngày 10/10/2006
210.	Xã Bình Thành -Xã Thoại Giang	470,6	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1906/QĐ.LUBND ngày 23/09/2008
211.	Ấp phú Hữu - Xã Định mỹ - Thoại sơn	120,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Dang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
212.	Ấp Vĩnh lợi - Xã Vĩnh Khánh	140,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Dang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
213.	Áp Trung Phú 2 - Xã Vĩnh Phú	106,2	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
214.	Áp Hòa Phú - Xã Định Thành - Thoại Sơn	105,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
215.	Áp Trung phú 3 - Xã Vĩnh Phú	200,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
216.	Áp kênh đào - Xã Phú Thuận - Thoại Sơn	223,3	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
217.	Áp phú bình - Xã Tây Phú - TS	229,5	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
218.	Áp Tây Bình B - Xã Vĩnh Chánh	156,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
219.	Áp Trung Phú 3 - Xã Vĩnh Phú	184,3	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
220.	Áp phú bình - Xã An Bình	213,8	Trạm tăng áp	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất
221.	Áp Tân Mỹ - Xã Mỹ Phú Đông	108,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
222.	Phường Châu Phú B - Tp Châu Đốc	2.915,5	Nhà máy nước	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 1916/QĐ.CT.UB ngày 09/08/2002, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 271673 ngày 18/09/2002
223.	P.Châu phú B - Tp Châu Đốc	113,0	Tổ điện	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 416/QĐ.UB ngày 07/01/2004, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 674394 ngày 09/03/2004
224.	P.Châu phú B - Tp Châu Đốc	26.640,0	Nhà máy nước	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 2027/QĐ.UB ngày 16/10/2003, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 323720 ngày 20/10/2004
225.	Phường châu Phú A - Tp Châu Đốc	494,0	Trạm bơm	Thuế đất	50 năm	Quyết định giao đất số 301/QĐ.UBND ngày 23/02/2011
226.	Nam Kinh I -Xã Vĩnh Mỹ	97,5	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
227.	Phường Núi Sam - Tp Châu Đốc	1.800,0	Nhà máy nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
228.	Xã Vĩnh Tế - Tp Châu Đốc	944,6	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất
229.	Xã Vĩnh Ngươn - Tp Châu Đốc	300,0	Trạm Cấp nước	Thuế đất	50 năm	Đang hoàn chỉnh hồ sơ thuế đất

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
II	ĐẤT POWACO BÀN GIAO THEO QUY ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN					
1.	Áp Bình Hòa, Mỹ Khánh, Long Xuyên	205,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bàn giao lại cho địa phương
2.	Áp Bình Hòa, Mỹ Khánh, Long Xuyên	207,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bàn giao lại cho địa phương
3.	Áp Mỹ An II, Mỹ Hòa Hưng, Long Xuyên	240,0	Trạm Cấp nước	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bàn giao lại cho địa phương
4.	Khóm Tây Khánh 6, Mỹ Hòa, Long Xuyên	132,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bàn giao lại cho địa phương
5.	Khóm Tây Huệ 2, Mỹ Hòa, Long Xuyên	35,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bàn giao lại cho địa phương
6.	Khóm Đông Thịnh 6, P.Mỹ Phước, Long Xuyên	35,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bàn giao lại cho địa phương
7.	Khóm Thới An A, Mỹ Thạnh, Long Xuyên	35,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bàn giao lại cho địa phương
8.	Khóm Hòa Thạnh, Mỹ Thạnh, Long Xuyên	238,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bàn giao lại cho địa phương
9.	Khóm Bình Đức 6, Bình Đức, Long Xuyên	35,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bàn giao lại cho địa phương
10.	Áp Bình Thạnh - Xã Hòa An	35,0	Giếng nước	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bàn giao lại cho địa phương
11.	Áp Bình Quới - Xã Hòa An	35,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	Đang làm thủ tục bàn giao lại cho địa phương

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời gian thuê	Hồ sơ pháp lý
12.	Ấp Bình Phú - Xã Hòa An	35,0	Giếng nước ngưng hoạt động	Thuê đất	50 năm	địa phương Đang làm thủ tục bàn giao lại cho địa phương

Nguồn: POWACO

VI. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN, LỢI ÍCH THU ĐƯỢC VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỦA NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang là cổ đông của Công ty cổ phần Điện nước An Giang từ năm 2011 (từ thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần) đến nay.

Kết quả chi trả cổ tức từ năm 2011 đến năm 2017 như sau:

Năm	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ (%)	Ghi chú
2011	15,00%	Chia cổ tức bằng tiền mặt
2012	15,00%	Chia cổ tức bằng tiền mặt
2013	15,00%	Chia cổ tức bằng tiền mặt
2014	15,00%	Chia cổ tức bằng tiền mặt
2015	15,00%	Chia cổ tức bằng tiền mặt
2016	15,00%	Chia cổ tức bằng tiền mặt
2017	15,00%	Chia cổ tức bằng tiền mặt

Nguồn: POWACO

Kể từ khi đầu tư vào POWACO đến nay, hoạt động của Công ty POWACO khá tốt, cổ đông nhà nước được nhận mức cổ tức ổn định 15%/năm từ năm 2011 đến năm 2017. Nhìn chung, đánh giá tình hình đầu tư vốn vào POWACO là có hiệu quả.

Việc chuyển nhượng vốn của nhà nước đầu tư vào POWACO là thực hiện theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 về phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017 – 2020 để đảm bảo nguồn thu cho phù hợp với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 của Chính phủ. Bên cạnh đó, việc chuyển nhượng vốn của nhà nước cũng sẽ tạo ra sự đa dạng hóa hình thức sở hữu tại doanh nghiệp (hiện tại nhà nước đang sở hữu 90,12% vốn điều lệ, dự kiến sau khi thoái vốn, nhà nước sẽ nắm giữ 50,98% vốn điều lệ tại POWACO). Theo đó, tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản trị, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, tăng cường năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

VII. PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN NHÀ NƯỚC

1. Tổng số cổ phần chào bán

Theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 về phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017 – 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang sẽ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại Công ty cổ phần Điện nước An Giang với tỷ lệ là 39,14% vốn điều lệ. Cụ thể số lượng cổ phần chuyển nhượng trong đợt này như sau:

Tên cổ phần	: Cổ phần Công ty cổ phần Điện nước An Giang
Loại cổ phần	: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
Mệnh giá cổ phần	: 10.000 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phần thuộc sở hữu của UBND tỉnh An Giang	: 43.853.300 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu trước khi chuyển nhượng	: 90,12% vốn điều lệ
Số lượng cổ phần chuyển nhượng	: 19.045.500 cổ phần
Giá trị cổ phần chuyển nhượng (tính theo mệnh giá cổ phần)	: 190.455.000.000 đồng
Tỷ lệ cổ phần chuyển nhượng	: 39,14% vốn điều lệ
Số lượng cổ phần sau khi chuyển nhượng	: 24.807.800 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu sau khi chuyển nhượng	: 50,98% vốn điều lệ

2. Đánh giá nhu cầu của thị trường đầu tư vốn vào doanh nghiệp có vốn chuyển nhượng

Cơ cấu cổ đông của Công ty hiện tại khá tập trung, trong đó cổ đông nhà nước (Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang) là cổ đông lớn nhất và là cổ đông lớn duy nhất, sở hữu 90,12% vốn điều lệ của Công ty. Số lượng cổ phần còn lại tự do giao dịch là 4.806.700 cổ phần, chiếm 9,88% vốn điều lệ.

Kể từ ngày giao dịch đầu tiên trên thị trường UPCOM (19/10/2017) đến nay, cổ phiếu DNA có giao dịch khá đều đặn mỗi ngày. Tuy nhiên, khối lượng và giá trị giao dịch cổ phiếu DNA mỗi ngày vẫn chưa cao. Khối lượng giao dịch bình quân 30 phiên từ ngày 23/05/2018 đến ngày 03/07/2018 (tính bình quân số học của khối lượng giao dịch mỗi phiên) là 971,43 cổ phần/1 phiên.

Về đợt thoái vốn của nhà nước tại POWACO, ngày 11/10/2017, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang có công văn số 4392/VPUBND-KTTH gửi Sở Tài chính và Công ty Cổ phần Điện nước An Giang, trong đó nêu Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được công văn của các công ty: Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Trương Nguyệt, Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến, Công ty TNHH Thương mại N.T.P v/v mua cổ phần của Công ty Cổ phần Điện nước An Giang. Cả 3 công ty này đều là cổ đông chiến lược tham gia mua cổ phần của Công ty ngay từ khi cổ phần hóa, có nhu cầu mua thêm cổ phần khi thoái vốn.

Vào tháng 4/2018, khi Công ty triển khai thông báo bán thỏa thuận cổ phần cho nhà đầu tư, kết thúc thời gian đăng ký, có 2 nhà đầu tư tổ chức đã nộp hồ sơ đăng ký mua cổ phần với tổng số lượng cổ phần đăng ký là 5.300.000 cổ phần.

Trong đợt thoái vốn này, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thoái 39,14% vốn điều lệ. Với tỷ lệ thoái vốn khá cao và nhu cầu của nhà đầu tư như trên, có thể đánh giá là có một số nhà đầu tư có quan tâm đến đợt thoái vốn này của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

3. Phương thức chuyển nhượng vốn

3.1 Lựa chọn phương thức chuyển nhượng vốn

Theo quy định tại khoản 1 Điều 38a của Nghị định 91/2015/NĐ-CP đã được bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định 32/2018 NĐ-CP:

"1. Việc chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán theo các phương thức giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch của thị trường chứng khoán (sau đây gọi là sàn giao dịch chứng khoán) do Sở Giao dịch chứng khoán tổ chức, phải đảm bảo giá giao dịch (giá sàn) không thấp hơn giá khởi điểm được xác định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định này.

c) Khi chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán nhưng không thực hiện trên sàn giao dịch chứng khoán thì thực hiện theo thứ tự phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận (thực hiện giao dịch ngoài sàn)."

Công ty cổ phần Điện nước An Giang là công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên hệ thống chứng khoán chưa niêm yết (UPCOM) tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Do đó, theo quy định trên, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang có thể thoái vốn tại Công ty cổ phần Điện nước An Giang theo 2 phương thức: Giao dịch cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM hoặc thực hiện giao dịch ngoài sàn theo thứ tự phương thức bán đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận.

Nếu chuyển nhượng vốn theo phương thức giao dịch cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán thì sẽ có một số khó khăn sau:

- Tại phiên giao dịch ngày 04/07/2018, cổ phiếu DNA đang giao dịch với mức giá tham chiếu là 15.700 đồng/cổ phần, giá trần là 18.000 đồng/cổ phần và giá sàn là 13.400 đồng/cổ phần. Trong khi theo Chứng thư thẩm định giá số 1151/18/BC.SACC ngày 29/06/2018 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định giá Đông Nam, giá cổ phần DNA được định giá là 21.209 đồng/cổ phần, cao hơn giá tham chiếu và giá trần cổ phiếu DNA giao dịch ngày 04/07/2018. Do đó, để thoái vốn với mức giá 21.209 đồng/cổ phần, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phải chờ đến khi biên độ dao động giá cổ phiếu DNA cao hơn mức giá khởi điểm là 21.209 đồng/cổ phần (Biên độ dao động giá trên sàn UPCOM là $\pm 15\%$).
- Cơ cấu cổ đông của Công ty cổ phần Điện nước An Giang khá tập trung, trong đó Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang chiếm 90,12% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Điện nước An Giang. Hiện nay cổ phiếu DNA có giao dịch khá đều đặn nhưng khối lượng và giá trị giao dịch chưa cao. Trong khi đó, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang dự kiến chuyển nhượng 19.045.500 cổ phần.

Do đó, người đại diện vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Điện nước An Giang đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thực hiện thoái vốn cổ phần theo **phương thức giao dịch ngoài sàn, cụ thể thực hiện theo thứ tự phương thức bán đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận** để tăng cơ hội thành công của đợt thoái vốn, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch khi thực hiện thoái vốn.

3.2 Phương thức bán đấu giá

Tổ chức thực hiện bán đấu giá là Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM (do giá trị chuyển nhượng vốn tính theo mệnh giá trên 10 tỷ đồng).

Trình tự thủ tục thực hiện đấu giá công khai thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 38a Nghị định 91/2015/NĐ-CP đã được bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị

định 32/2018/NĐ-CP và các quy định khác tại các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính theo quy định (nếu có).

Khi thực hiện bán đấu giá cổ phần, Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (theo ủy quyền của Cơ quan đại diện chủ sở hữu)/ Tổ chức đấu giá thực hiện công khai thông tin hồ sơ đấu giá đã lập theo quy định cho các nhà đầu tư trước ngày đấu giá tối thiểu là 20 ngày tại trụ sở chính của Công ty cổ phần Điện nước An Giang, địa điểm bán đấu giá, trên phương tiện thông tin đại chúng (ba số báo liên tiếp của một tờ báo phát hành trong toàn quốc và một tờ báo địa phương là báo An Giang) và đăng tải trên trang thông tin điện tử của tổ chức đấu giá cổ phần, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Công ty cổ phần Điện nước An Giang.

Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (theo ủy quyền của Cơ quan đại diện chủ sở hữu)/ Tổ chức đấu giá khi thực hiện công bố thông tin về việc đấu giá cổ phần để chuyển nhượng vốn đồng thời gửi hồ sơ đấu giá đã lập theo quy định đến Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp).

Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhà đầu tư hoàn thành nộp tiền mua cổ phần, Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (theo ủy quyền của Cơ quan đại diện chủ sở hữu) gửi hồ sơ theo quy định đến Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam để làm thủ tục chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho nhà đầu tư được mua cổ phần.

3.3 Phương thức chào bán cạnh tranh

Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đấu giá công khai cổ phần Công ty cổ phần Điện nước An Giang không thành công hoặc thành công nhưng chưa bán hết thì Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang sẽ tiếp tục thực hiện chào bán cạnh tranh cổ phần Công ty cổ phần Điện nước An Giang.

Việc chào bán cạnh tranh chỉ thực hiện khi có ít nhất 02 nhà đầu tư là đối tượng tham gia, đã nộp hồ sơ hợp lệ và thực hiện đầy đủ các thủ tục tham dự phiên chào bán cạnh tranh theo quy định tại quy chế phiên chào bán cạnh tranh.

Tổ chức thực hiện chào bán cạnh tranh: Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

Việc chuyển nhượng vốn nhà nước theo phương thức chào bán cạnh tranh thực hiện tương tự phương thức chào bán cạnh tranh chuyển nhượng vốn doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 4 Điều 29a Nghị định 91/2015/NĐ-CP đã được bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 32/2018/NĐ-CP và các quy định khác tại các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính theo quy định (nếu có).

3.4 Phương thức thỏa thuận

Phương thức thỏa thuận là phương thức chuyển nhượng vốn do cơ quan đại diện chủ sở hữu trực tiếp thỏa thuận với nhà đầu tư khi chào bán cạnh tranh không thành công và áp dụng trong trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư là đối tượng tham gia đã nộp hồ sơ hợp lệ và thực hiện đầy đủ các thủ tục tham dự phiên chào bán cạnh tranh theo quy định của quy chế phiên chào bán cạnh tranh.

Giá bán thỏa thuận trên cơ sở giá được xác định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định 32/2018/NĐ-CP.

Khi chuyển nhượng vốn theo phương thức thỏa thuận trực tiếp thì người có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn không được quyết định chuyển nhượng vốn cho doanh nghiệp nhận chuyển nhượng trong đó có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con dâu, con rể, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu là người quản lý doanh nghiệp và không được quyết định chuyển nhượng cho các cá nhân là người có quan hệ như trên.

Sau khi thỏa thuận và ký hợp đồng chuyển nhượng vốn, việc thanh toán tiền bán cổ phần trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng chuyển nhượng vốn.

Sau khi nhà đầu tư hoàn thành nộp tiền mua cổ phần, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (theo ủy quyền của Cơ quan đại diện chủ sở hữu) gửi hồ sơ theo quy định đến Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam để làm thủ tục chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho nhà đầu tư được mua cổ phần.

Trường hợp sau khi thực hiện chuyển nhượng vốn theo phương thức tại Phương án này mà vẫn không chuyển nhượng hết số cổ phần cần chào bán thì Người đại diện phần vốn nhà nước sẽ báo cáo kết quả thực hiện chuyển nhượng vốn để Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quyết định theo quy định tại khoản 6 Điều 38a của Nghị định 91/2015/NĐ-CP đã được bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định 32/2018/NĐ-CP: "*Sau khi thực hiện các phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận để chuyển nhượng vốn mà vẫn không chuyển nhượng hết số vốn nhà nước cần chuyển nhượng thì cơ quan đại diện chủ sở hữu căn cứ nhu cầu thị trường lựa chọn thời điểm để tiếp tục thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước theo các phương thức giao dịch và thủ tục thực hiện các phương thức giao dịch quy định tại Nghị định này.*"

4. Đề xuất giá khởi điểm để thực hiện chuyển nhượng vốn

3.1 Giá trị sổ sách của cổ phần Công ty cổ phần Điện nước An Giang

Giá trị cổ phần theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty cổ phần Điện nước An Giang tại thời điểm 31/12/2017 được tính như sau:

- + Tổng số cổ phần đã phát hành : 48.660.000 cổ phần
- + Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần
- + Tổng số cổ phần đang lưu hành : 48.660.000 cổ phần (1)
- + Vốn chủ sở hữu : 1.682.772.789.254 đồng (2)
- + Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 1.045.667.286.583 đồng (3)
- + Giá trị sổ sách 1 cổ phần (4) = (2)-(3)/(1) : 13.093 đồng/cổ phần

Công ty có khoản Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản là 1.045.667.286.583 đồng nằm trong nguồn Vốn chủ sở hữu, tuy nhiên, đây là vốn ngân sách cấp nên Công ty loại trừ ra khi tính Giá trị sổ sách của cổ phần.

3.2 Đề xuất giá khởi điểm

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Nghị định 32/2018/NĐ-CP, việc xác định giá khởi điểm khi đấu giá chuyển nhượng vốn nhà nước được thực hiện như sau:

"Cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc cơ quan chức năng được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền, giao nhiệm vụ bằng văn bản lựa chọn và ký hợp đồng thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về thẩm định giá; xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn nhà nước đầu tư bao gồm giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất thuê (thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thuê trả tiền hằng năm), giá trị các quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm các giá trị văn hóa, lịch sử khác, nhãn hiệu, tên thương mại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Khi xác định giá khởi điểm chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán phải đảm bảo theo quy định nêu trên. Trường hợp giá khởi điểm xác định theo quy định nêu trên thấp hơn giá tham chiếu bình quân của 30 ngày giao dịch liên tiếp trên thị trường chứng khoán trước ngày công bố thông tin thực hiện bán cổ phần chuyển nhượng vốn thì lấy giá tham chiếu bình quân này làm giá khởi điểm chuyển nhượng vốn khi giao dịch trên hệ thống giao dịch của thị trường chứng khoán (sau đây gọi là sàn giao dịch chứng

khoán) và giao dịch ngoài sàn giao dịch chứng khoán để chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã niêm yết.

Việc sử dụng một mức giá khởi điểm để thực hiện chuyển nhượng vốn theo các phương thức quy định tại Nghị định này phải đảm bảo nguyên tắc thời gian tối đa không quá 06 tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực đến ngày giao dịch cuối cùng (đối với trường hợp giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán), hoặc tính đến ngày công bố trúng giá chuyển nhượng vốn (đối với phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh), hoặc tính đến ngày ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (theo phương thức thỏa thuận)."

Căn cứ chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang tại văn bản số 4443/VPUBND-KTTH ngày 16/10/2017 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc chọn đơn vị tư vấn xây dựng phương án thoái vốn và tổ chức thẩm định giá trị doanh nghiệp và văn bản số 566/UBND-KTTH ngày 31/05/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang v/v thoái vốn nhà nước đầu tư tại Công ty Cổ phần Điện nước An Giang, Công ty cổ phần Điện nước An Giang đã thực hiện ký Hợp đồng số 210/SACC-TVĐV-PN ngày 14/06/2018 với Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định giá Đông Nam để thực hiện xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là ngày 31/12/2017.

Căn cứ Chứng thư định giá số 1151/18/BC.SACC ngày 29/06/2018 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định giá Đông Nam, kết quả định giá cổ phần của Công ty cổ phần Điện nước An Giang là: 21.209 đồng/cổ phần (Chứng thư này có hiệu lực trong vòng 180 ngày kể từ ngày 29/06/2018).

Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định giá Đông Nam sử dụng 3 phương pháp để định giá cổ phần POWACO, gồm:

Phương pháp	Giá cổ phần (đồng/cổ phần)
Phương pháp tài sản	20.261
Phương pháp giá giao dịch	19.099
Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức	24.266
Giá bình quân	21.209

Trong đó, đối với phương pháp tài sản, Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định giá Đông Nam đã định giá quyền sử dụng đất như sau:

- Giá trị quyền sử dụng đất của 2 khu đất POWACO sở hữu lâu dài (đang sử dụng làm Trụ sở văn phòng Công ty và Kho công ty, hạch toán ở Tài sản cố định vô hình) sau khi định giá lại tăng 21.876.485.900 đồng.
- Giá trị lợi thuế quyền thuê đất đối với 17 khu đất POWACO được cho thuê là 37.099.848.310 đồng (Chi tiết xem Chứng thư thẩm định giá).

Trong chứng thư thẩm định giá, Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định giá Đông Nam lưu ý như sau:

"Căn cứ Điểm e, khoản 3 điều 30 tại Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch: Nhà nước hỗ trợ miễn tiền sử dụng đất đối với dự án đầu tư xây dựng cấp nước. Do đó, SACC không tính toán giá trị lợi thế vị trí địa lý của các khu đất này của Công ty Cổ phần Điện nước An Giang. Qua xem xét tình hình thực tế về các Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Điện nước An Giang, SACC nhận thấy có 17 mặt bằng nhận định là có giá trị lợi thế quyền thuê hiện tại đang xây dựng nhà máy nước có lợi thế vị trí địa lý, do đó SACC đã tính toán giá trị lợi thế quyền thuê của các mặt bằng này. Các các bên liên quan có thẩm quyền phê duyệt quyết định ghi nhận hoặc loại trừ khoản Giá trị lợi thế Quyền thuê trên khi tham khảo và sử dụng Báo cáo kết quả Thẩm định giá này."

Giá cổ phần POWACO theo kết quả định giá là 21.209 đồng/cổ phần, mức giá này cao hơn giá trị sổ sách cổ phần POWACO tại thời điểm 31/12/2017 là 13.093 đồng/cổ phần.

Giá khởi điểm bán đấu giá đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt là: 21.209 đồng/cổ phần. Trường hợp giá tham chiếu bình quân cổ phần Công ty cổ phần Điện Nước An Giang của 30 ngày giao dịch liên tiếp trên thị trường chứng khoán trước ngày công bố thông tin thực hiện bán cổ phần chuyển nhượng vốn cao hơn giá khởi điểm đề xuất phê duyệt (21.209 đồng/cổ phần), đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ủy quyền cho Công ty Cổ phần Điện nước An Giang quyết định giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn là giá tham chiếu bình quân.

Trường hợp trong quá trình thực hiện chuyển nhượng vốn, vì các lý do khách quan kéo dài quá trình này (như bán đấu giá không thành công, phải chuyển sang chào bán cạnh tranh, bán thỏa thuận) dẫn tới chứng thư thẩm định giá hết hiệu lực (quá 06 tháng), Người đại diện vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Điện Nước An Giang sẽ có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang có ý kiến về việc

thực hiện lại việc thẩm định giá và phê duyệt lại giá khởi điểm để thực hiện chuyển nhượng vốn theo quy định.

3.3 Giá thanh toán khi chuyển nhượng vốn

Theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 38a của Nghị định 91/2015/NĐ-CP đã được bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định 32/2018 NĐ-CP:

“c) Khi chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán nhưng không thực hiện trên sàn giao dịch chứng khoán thì thực hiện theo thứ tự phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận (thực hiện giao dịch ngoài sàn).

Giá bán cổ phần mà nhà đầu tư phải thanh toán cho cơ quan đại diện chủ sở hữu khi giao dịch ngoài sàn là giá được xác định theo quy định phù hợp với từng phương thức chuyển nhượng (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận); trường hợp trong ngày mở cuộc đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (đối với phương thức thỏa thuận) mà giá giao dịch cổ phiếu của công ty cổ phần tính theo giá sàn cao hơn giá thanh toán được xác định phù hợp với từng phương thức chuyển nhượng (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận) thì nhà đầu tư phải thanh toán tiền mua cổ phần cho doanh nghiệp nhà nước theo giá giao dịch là giá sàn của ngày mở cuộc đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (đối với phương thức thỏa thuận); trường hợp trong ngày mở cuộc đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (đối với phương thức thỏa thuận) mà giá giao dịch tính theo giá sàn cổ phiếu của công ty cổ phần thấp hơn giá thanh toán được xác định phù hợp với từng phương thức chuyển nhượng (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận) hoặc không có giá sàn do không có giao dịch thì nhà đầu tư phải thanh toán tiền mua cổ phần cho cơ quan đại diện chủ sở hữu theo giá được xác định phù hợp với từng phương thức chuyển nhượng (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận).

d) Cơ quan đại diện chủ sở hữu phải công khai thông tin về giá thanh toán bán cổ phần chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong trường hợp giao dịch ngoài hệ thống giao dịch của thị trường chứng khoán (giao dịch ngoài sàn) cho các nhà đầu tư biết và thực hiện”

Như vậy, nhà đầu tư mua cổ phần đấu giá phải thực hiện theo quy định trên về giá bán cổ phần phải thanh toán cho Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (theo ủy quyền của Cơ quan đại diện chủ sở hữu) sẽ công khai thông tin về giá thanh toán bán cổ phần chuyển nhượng vốn tại Công ty Cổ phần Điện nước An Giang cho các nhà đầu tư biết và thực hiện.

5. Đối tượng bán

Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đáp ứng đủ điều kiện tham gia mua cổ phần theo quy định của pháp luật.

Về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty khi tham gia mua cổ phần thoái vốn nhà nước:

Theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 29 Nghị định 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định 32/2018/NĐ-CP: “Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần, phần vốn góp của nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu vốn thực góp trong vốn điều lệ của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phù hợp với tình hình vực pháp luật chuyên ngành quy định hoặc các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.”

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Điện nước An Giang không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài. Đến thời điểm ngày 05/06/2018, tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài tại Công ty là 0,01%.

Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài hiện nay căn cứ theo khoản 2, Điều 11 Thông tư 123/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 18/8/2015, Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/06/2015 quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Điểm c Khoản 3 Điều 22 Luật Đầu tư 2014. Công ty chưa có đề nghị thay đổi tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài nên áp dụng tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài là 49% vốn điều lệ. Trong trường hợp có thay đổi tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài, Công ty sẽ xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông và nêu rõ trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

6. Đánh giá lợi ích thu được và giá trị dự kiến thu được khi chuyển nhượng vốn

Việc chuyển nhượng vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Điện nước An Giang sẽ được thực hiện theo phương thức đấu giá công khai. Giá bán sẽ do thị trường quyết định. Do đó, để đánh giá lợi ích thu được và giá trị dự kiến của Công ty thu được sau khi chuyển nhượng vốn, trong Phương án này sẽ tạm tính trong

trường hợp bán đấu giá thành công toàn bộ số cổ phần chào bán theo giá khởi điểm, chi tiết như sau:

Stt/công thức (tính)	Chỉ tiêu	Giá trị
(1)	Giá định giá chào bán thành công (bằng với giá khởi điểm)	21.209 đồng/cổ phần
(2)	Số lượng cổ phần chào bán thành công	19.045.500 cổ phần
(3)=(1)x(2)	Số tiền dự kiến thu được từ bán cổ phần	403.936.009.500 đồng
(4)	Tổng chi phí thực hiện thoái vốn (đã bao gồm thuế VAT), trong đó (*):	655.500.000 đồng
	- Chi phí thẩm định giá lần 1 (thời điểm định giá 30/06/2017)	88.000.000 đồng
	- Chi phí thẩm định giá lần 2 (thời điểm định giá 31/12/2017)	120.000.000 đồng
	- Chi phí tư vấn xây dựng phương án chuyển nhượng vốn và thủ tục, xây dựng hồ sơ bán đấu giá	77.000.000 đồng
	- Chi phí đăng báo triển khai phương án chuyển nhượng vốn vào tháng 4/2018 (báo Sài Gòn Giải phóng và báo An Giang)	19.500.000 đồng
	- Chi phí đăng báo bán đấu giá tạm tính (*)	21.000.000 đồng
	- Chi phí tổ chức bán đấu giá cổ phần tạm tính (**)	300.000.000 đồng
	- Chi phí dự phòng (***)	30.000.000 đồng
(5)=(3)-(4)	Số tiền dự kiến thu được sau khi chuyển nhượng vốn	403.280.509.500 đồng

Ghi chú:

(*) Chi phí đăng báo bán đấu giá tạm tính trên cơ sở đăng 3 kỳ liên tiếp của 1 tờ báo địa phương Báo An Giang (3 triệu đồng/kỳ) và 1 tờ báo phát hành toàn quốc (tạm tính 4 triệu đồng/kỳ). Chi phí đăng báo có thể thay đổi tùy thuộc vào bảng giá của các báo tại thời điểm đăng báo.

(**) Chi phí tổ chức bán đấu giá là 0,3% trên tổng giá trị cổ phần thực tế bán được, tối thiểu là 20 triệu đồng/cuộc đấu giá và tối đa là 300 triệu đồng/cuộc đấu giá (theo quy định tại Thông tư số 241/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam). Do đó, trong phương án này, tạm tính Chi phí tổ chức bán đấu giá (trong trường hợp bán thành công toàn bộ số cổ phần bán đấu giá với giá bằng giá khởi điểm) là $21.209 \text{ đồng/cổ phần} \times 19.045.500 \text{ cổ phần} \times 0,3\% = 1.211.808.029 \text{ đồng}$, do đó Chi phí tổ chức bán đấu giá phải trả là bằng mức tối đa, 300 triệu đồng.

(***) Chi phí dự phòng: bao gồm các chi phí công bố thông tin về việc chào bán cạnh tranh (trong trường hợp bán đấu giá không thành công), chi phí khác....

Tổng chi phí thực hiện thoái vốn trong Phương án này chỉ là số tạm tính. Chi phí thực hiện thoái vốn có thể thay đổi so với dự toán (đã trình bày ở trên).

7. Quyết toán chi phí chuyển nhượng vốn và thời hạn nộp tiền chuyển nhượng vốn

Theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 38 của Nghị định 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Nghị định 32/2018/NĐ-CP: "Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chi phí có liên quan đến chuyển nhượng vốn nhà nước (bao gồm chi phí thẩm định giá, tổ chức đấu giá và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động chuyển nhượng vốn). Các chi phí này được trừ vào tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước. Trường hợp việc chuyển nhượng vốn nhà nước không thành công hoặc tiền thu chuyển nhượng vốn không đủ để bù đắp chi phí chuyển nhượng vốn thì được sử dụng tiền từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để bù đắp phần chi phí thực hiện chuyển nhượng vốn nhưng chưa có nguồn bù đắp".

Theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP về thu tiền chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần quy định như sau:

"1. Thu tiền chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

a) Tiền thu được từ việc chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm (đối với công ty cổ phần) và quyền góp vốn (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) cho tổ chức, cá nhân khác (nhà đầu tư), sau khi trừ các chi phí hợp lý liên quan đến việc chuyển nhượng được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

b) Cơ quan đại diện chủ sở hữu (hoặc cơ quan chức năng được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền, giao nhiệm vụ bằng văn bản) có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin cho các nhà đầu tư để nộp tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (nội dung thông tin bao gồm: Đơn vị thụ hưởng, địa chỉ, số tài khoản mở tại ngân hàng, thời gian nộp tiền, nội dung nộp tiền trúng đấu giá).

c) Thời hạn nộp tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp:

- Trường hợp chuyển nhượng vốn tại các công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch Upcom thì thời hạn thanh toán, nộp tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp đối với nhà đầu tư phù hợp với từng phương thức giao dịch khi chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

- Trường hợp chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch Upcom; chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm, quyền góp vốn theo phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh hoặc thỏa thuận thì thời hạn thanh toán nộp tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp của nhà đầu tư không quá 15 ngày, kể từ ngày công bố kết quả đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, ký thỏa thuận chuyển nhượng thành công.

Trường hợp nhà đầu tư không nộp, nộp không đúng thời hạn sẽ bị xử phạt vi phạm, cưỡng chế theo quy định về Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

d) Cơ quan đại diện chủ sở hữu chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc nộp tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo đúng quy định. "

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 38a của Nghị định 91/2015/NĐ-CP đã được bổ sung tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định 32/2018/NĐ-CP: "Trường hợp chuyển nhượng vốn nhà nước tại các công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán thì thời hạn thanh toán đối với nhà đầu tư phù hợp với từng phương thức giao dịch nhưng thời hạn chuyển tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp thực hiện theo quy định đối với trường hợp

chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tại Điều 39 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP”.

Căn cứ các quy định trên, trong thời gian 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, ký thỏa thuận chuyển nhượng thành công; Công ty Cổ phần Điện nước An Giang sẽ thực hiện việc tổng hợp, quyết toán chi phí có liên quan đến chuyển nhượng vốn và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Trên cơ sở đó, Công ty Cổ phần Điện nước An Giang sẽ thực hiện thủ tục nộp tiền thu được từ việc chuyển nhượng vốn nhà nước sau khi trừ các chi phí hợp lý liên quan đến việc chuyển nhượng về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (thời hạn thanh toán không quá 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, ký thỏa thuận chuyển nhượng thành công).

8. Triển khai Phương án chuyển nhượng vốn được phê duyệt và lộ trình thực hiện dự kiến

Để triển khai tổ chức Phương án chuyển nhượng vốn tại Công ty cổ phần Điện nước An Giang, kính trình Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang ủy quyền cho Công ty cổ phần Điện nước An Giang (đại diện là ông Lương Văn Bạ, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Điện nước An Giang), thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức triển khai Phương án chuyển nhượng vốn đã được phê duyệt với các bên liên quan theo quy định trong quá trình triển khai tổ chức đấu giá, chào giá cạnh tranh hoặc bán thỏa thuận, bao gồm nhưng không giới hạn việc ký hợp đồng với các công ty tư vấn, ký hợp đồng với Tổ chức thực hiện bán đấu giá/chào bán cạnh tranh, ký các văn bản và hồ sơ có liên quan như Đơn đăng ký bán đấu giá, Bản công bố thông tin về việc thoái vốn nhà nước, Biên bản đấu giá, Biên bản chào bán cạnh tranh, Biên bản thỏa thuận cổ phần, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư, hồ sơ mở tài khoản phong tỏa....
- Quyết định giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn trong trường hợp giá tham chiếu bình quân cổ phiếu Công ty cổ phần Điện nước An Giang của 30 ngày giao dịch liên tiếp trên thị trường chứng khoán trước ngày công bố thông tin thực hiện bán cổ phần chuyển nhượng vốn cao hơn giá khởi điểm đề xuất phê duyệt (21.209 đồng/cổ phần) thì lấy giá tham chiếu bình quân này làm giá khởi điểm;

- Công khai thông tin về giá thanh toán bán cổ phần Công ty Cổ phần Điện nước An Giang cho các nhà đầu tư biết và thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 38a của Nghị định 91/2015/NĐ-CP đã được bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định 32/2018 NĐ-CP;
- Tổ chức thực hiện công bố thông tin, bán cổ phần theo đúng trình tự, thủ tục quy định hiện hành đảm bảo công khai, minh bạch. Khi thực hiện công bố thông tin về việc đấu giá cổ phần để chuyển nhượng vốn thì đồng thời gửi hồ sơ đấu giá đã lập theo quy định đến Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp).
- Cử đại diện là người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty tham gia vào Hội đồng đấu giá/chào bán cạnh tranh cổ phần Công ty cổ phần Điện nước An Giang khi tổ chức đấu giá/chào bán cạnh tranh và được trực tiếp thỏa thuận với nhà đầu tư khi thực hiện chào bán theo phương thức thỏa thuận.
- Thực hiện các công việc liên quan đến chào bán cổ phần, công bố thông tin, giám sát bán cổ phần, thu và chuyển tiền bán cổ phần... theo quy định của pháp luật và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.
- Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang kết quả bán cổ phần;
- Ký toàn bộ hồ sơ để thực hiện thủ tục chuyển nhượng sở hữu cổ phần của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cho nhà đầu tư được mua cổ phần thông qua phương thức đấu giá/chào giá cạnh tranh/thỏa thuận theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 38a và điểm c khoản 3 Điều 29a Nghị định 91/2015/NĐ-CP đã được bổ sung tại khoản 16 và khoản 13 Điều 1 Nghị định 32/2018/NĐ-CP;
- Đảm bảo toàn bộ số tiền thu được từ việc bán cổ phần phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa của Công ty cổ phần Điện nước An Giang tại 1 ngân hàng thương mại và chịu trách nhiệm quản lý chặt chẽ tài khoản phong tỏa này và thực hiện chuyển đầy đủ, đúng hạn số tiền này về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến việc bán cổ phần theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

**Lộ trình dự kiến thực hiện sau khi
Phương án chuyển nhượng vốn được phê duyệt**

STT	Công việc dự kiến	Thời gian	Ghi chú
1	UBND tỉnh An Giang phê duyệt giá khởi điểm và phương án chuyển nhượng vốn	Tháng 7/2018	
2	Ký hợp đồng tổ chức đấu giá với Sở Giao dịch Chứng khoán	Tháng 7/2018	
3	Công bố thông tin về đợt đấu giá (đăng báo, trên website)	Tháng 7/2018	Công bố thông tin trong thời gian 20 ngày trước ngày tổ chức đấu giá
4	Sở Giao dịch Chứng khoán tổ chức bán đấu giá cổ phần	Tháng 8/2018	
5	Báo cáo kết quả bán đấu giá cổ phần	Tháng 8/2018	

Tóm lại, phương án chuyển nhượng vốn đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang tại Công ty cổ phần Điện nước An Giang là phù hợp với chủ trương thoái vốn của Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, đảm bảo nguồn thu ngân sách đồng thời thúc đẩy tích cực đến quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành của Công ty cổ phần Điện nước An Giang.

Trân trọng kính trình.

**THAY MẶT NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN NHÀ NƯỚC
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính.



LƯƠNG VĂN BẠ

